

**PHIẾU SỐ 02/TĐTNN-TT**  
**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ TRANG TRẠI**

**I. MỤC ĐÍCH ĐIỀU TRA**

Thu thập những thông tin cơ bản về tình hình kinh tế trang trại trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản nhằm mục đích đánh giá thực trạng, phân tích xu hướng thay đổi phục vụ xây dựng kế hoạch phát triển và chính sách hỗ trợ kinh tế trang trại ở nước ta.

**II. PHẠM VI ĐIỀU TRA**

Áp dụng đối với cá nhân, hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản **đạt tiêu chí trang trại** được quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về **“Tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại”**.

**III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA**

**1. Đối tượng điều tra:** Lao động, điều kiện và kết quả hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tại các trang trại.

**2. Đơn vị điều tra:** Trang trại.

**IV. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG GHI PHIẾU**

**I. Quy định chung**

**1. Tiêu chí xác định trang trại**

Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn điều kiện sau:

(1) Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp phải đạt:

a) Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu:

- 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long;

- 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại.

b) Giá trị sản lượng hàng hóa đạt 700 triệu đồng/năm.

(2) Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên;

(3) Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

## **2. Phân loại trang trại**

(1) Các trang trại được xác định theo lĩnh vực sản xuất như sau:

- a) Trang trại trồng trọt;
- b) Trang trại chăn nuôi;
- c) Trang trại lâm nghiệp;
- d) Trang trại nuôi trồng thủy sản;
- e) Trang trại tổng hợp.

(2) Trang trại chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) là trang trại có tỷ trọng giá trị sản lượng nông sản hàng hóa của ngành chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại trong năm. Trường hợp không có ngành nào chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản lượng hàng hóa thì được gọi là trang trại tổng hợp.

**Lưu ý:** Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại quy định trong cuộc điều tra này đảm bảo theo đúng tiêu chí được quy định trong thông tư 27/2011 của Bộ NN&PTNT và không nhất thiết là phải có giấy chứng nhận trang trại.

## **II. Quy định cụ thể**

### **THÔNG TIN ĐỊNH DANH**

- Cách ghi tên, mã tỉnh, huyện, xã, thôn (ấp, bản), Địa bàn điều tra hộ toàn bộ số...: Theo hướng dẫn cách ghi ở phiếu số 01/TĐTNN-HO “Thu thập thông tin về tình hình cơ bản của hộ”.

- Mục “Trang trại số”: Ghi số thứ tự trùng với số thứ tự trong bảng kê trang trại của xã/phường/thị trấn. Trường hợp trong bảng kê có trang trại nhưng thực tế cơ sở, hộ đó không đạt tiêu chí trang trại thì điều tra viên bỏ qua số thứ tự này; trong quá trình rà soát, điều tra nếu điều tra viên phát hiện những cá nhân, hộ đạt tiêu chí trang trại nhưng chưa có trong bảng kê thì điều tra viên ghi bổ sung vào cuối bảng kê và ghi số thứ tự tiếp theo số thứ tự cuối cùng đã có trong bảng kê.

Ví dụ: Xã A bảng kê có 5 trang trại (trang trại cuối cùng có số thứ tự là 5), trong quá trình điều tra, điều tra viên (ĐTV) thấy 02 hộ trong bảng kê không đạt tiêu chí trang trại và phát hiện có 01 hộ đạt tiêu chí trang trại nhưng chưa có trong bảng kê thì ĐTV xử lý như sau:

- + Loại bỏ 02 trang trại không đạt tiêu chí trang trại trong bảng kê;
- + Ghi bổ sung 01 trang trại mới vào cuối bảng kê với số thứ tự là 6; Giữ nguyên số thứ tự của các trang trại khác.

- **Hộ số của phiếu số 01/TĐTNN-HO (nếu có):** Chi cục Thống kê chịu trách nhiệm ghi đúng theo số thứ tự trong bảng kê hộ của phiếu số 01/TĐTNN-HO khi chủ trang trại và trang trại của họ ở trên cùng một địa bàn điều tra. Trường hợp chủ trang trại sống ở nơi khác (không cùng địa bàn điều tra với trang trại của họ) thì sẽ không có phiếu số 01/TĐTNN-HO và để trống ô này.

## **PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRANG TRẠI**

### **Câu 1. Họ, tên chủ trang trại**

Ghi đầy đủ họ và tên của chủ trang trại (chữ thường có dấu).

### **Câu 2. Địa chỉ của chủ trang trại**

Ghi địa chỉ cư trú của chủ trang trại

### **Câu 3. Dân tộc**

Theo hướng dẫn cách ghi ở phần định danh của phiếu số 01/TĐTNN-HO “Thu thập thông tin về tình hình cơ bản của hộ”.

### **Câu 4. Số điện thoại**

Ghi số điện thoại cố định (bao gồm mã tỉnh và số điện thoại) của chủ trang trại vào các ô tương ứng trong phiếu, nếu không có điện thoại cố định thì ghi số điện thoại di động của chủ trang trại. Nếu trang trại có người quản lý thì ghi số điện thoại di động của người quản lý.

### **Câu 5. Chủ trang trại là?**

- Chủ trang trại là nông dân gồm những người dành phần lớn hoặc toàn bộ thời gian lao động cho hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Chủ trang trại là khác: Tất cả các thành phần khác ngoài nông dân.

### **Câu 6. Lao động tham gia sản xuất trong trang trại**

Ghi những người từ 15 tuổi trở lên thực tế có tham gia các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ do trang trại tổ chức (tham khảo giải thích về lao động trong phần II của phiếu số 01/THĐNN-HO), bao gồm: Lao động của hộ chủ trang trại và lao động thuê ngoài tại thời điểm 01/7/2016.

**Cột 1, cột 2:** Ghi năm sinh, giới tính của chủ trang trại và người quản lý của trang trại.

**Cột 3:** Ghi tổng số lao động thường xuyên, tổng số lao động thuê mướn ở thời điểm cao nhất trong 12 tháng qua của trang trại.

- Lao động thường xuyên là lao động làm việc ổn định tại trang trại trong khoảng thời gian từ 03 tháng trở lên trong 12 tháng qua hoặc dưới 03 tháng nhưng có dự định làm việc lâu dài.

- Lao động của hộ chủ trang trại gồm những lao động là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ chủ trang trại và có quan hệ ruột thịt (vợ, chồng, con). Quy ước chủ trang trại luôn được tính là lao động thường xuyên của hộ chủ trang trại.

- Lao động thuê mướn là lao động do chủ trang trại thuê và trả công, trả lương cho người lao động, có thể có hoặc không có hợp đồng thuê lao động giữa chủ trang trại và người lao động.

- Người quản lý là người tổ chức, điều khiển hoạt động sản xuất của trang trại.

**Từ cột 4 đến cột 12.** Ghi số lượng lao động theo từng trình độ chuyên môn kỹ thuật theo hướng dẫn cách ghi ở câu 9 của phiếu số 01/TĐTNN-HO.

**Lưu ý:**

Chủ trang trại đồng thời là người quản lý trang trại, điều tra viên chỉ ghi thông tin vào dòng chủ trang trại.

**Câu 7. Lao động thường xuyên chia theo nhóm tuổi:** Ghi số lao động thời điểm 01/7/2016 làm việc thường xuyên tại trang trại theo từng nhóm tuổi.

**PHẦN II. DIỆN TÍCH ĐẤT TRANG TRẠI SỬ DỤNG**

**Câu 8. Diện tích đất nông, lâm nghiệp và thủy sản** (tại thời điểm 01/7/2016)

Theo hướng dẫn cách ghi ở câu 17 phần III của phiếu số 01/TĐTNN-HO.

*Đất nông nghiệp khác*

Là đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh.

**Cột 1:** Điều tra viên ghi tổng số đất và trang trại sử dụng theo từng loại đất.

**Cột 2:** Ghi diện tích đất của trang trại.

**Cột 3:** Ghi diện tích đất trang trại đi thuê, mướn, đấu thầu.

**Câu 9, 10. Sử dụng và tình hình sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 12 tháng qua**

Nếu trang trại có sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ trong 12 tháng qua thì điều tra viên hỏi thông tin cụ thể về việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ.

### **10.1. Cây hàng năm**

- Loại cây: Ghi một số loại cây hàng năm chủ yếu như: Lúa hè thu 2015, lúa thu đông/vụ ba năm 2015 (chỉ có ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long), lúa mùa 2015, lúa đông xuân 2016, ngô/bắp, khoai lang, sắn/mỳ...

**Cột 1:** Ghi tổng diện tích cho từng loại cây tương ứng với cột A mà trang trại có gieo trồng trong 12 tháng qua. Cây lúa ghi diện tích thực tế gieo trồng theo từng vụ, các loại cây hàng năm khác ngoài lúa nếu trong năm trồng nhiều vụ thì được tính tổng diện tích của các vụ.

**Cột 2, 3, 4, 5:** Ghi diện tích gieo trồng của từng loại cây tương ứng có sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, phân hữu cơ, phân hóa học.

#### **Lưu ý:**

- Diện tích gieo trồng được sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, phân hữu cơ, phân hóa học tính cho từng vụ sản xuất.

- Trong cùng một vụ và trên cùng 1 diện tích gieo trồng có sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, phân hữu cơ, phân hóa học nhiều lần thì cũng chỉ tính một lần diện tích.

Ví dụ: Trong 12 tháng qua trang trại có diện tích 02 ha trồng 3 vụ rau, cả 3 vụ đều có sử dụng thuốc trừ sâu cho toàn bộ diện tích. Trong trường hợp này ghi diện tích gieo trồng phun thuốc trừ sâu trong 12 tháng qua của trang trại là 06 ha.

Trang trại có diện tích lúa đông xuân là 01 ha đã bón phân hóa học 2 lần trong vụ cho toàn bộ diện tích. Trong trường hợp này ghi diện tích lúa đông xuân bón phân hóa học của trang trại là 01 ha.

**Cột 6:** Ghi số lượng phân hoá học đã bón cho từng loại cây: Điều tra viên hỏi tổng số lượng các loại phân hoá học như: Urê, lân, NPK, DPK, kali, SA... đã bón cho từng loại cây trồng trong 12 tháng qua.

### **10.2. Cây lâu năm**

- Loại cây: Ghi một số loại cây lâu năm chủ yếu của trang trại hiện có tại thời điểm 01/7/2016 như: Xoài, sầu riêng, mít, cam, quýt, bòng, bưởi, nhãn, vải, chôm chôm, dứa, điều, hồ tiêu, cao su, cà phê, chè...

**Cột 1:** Tổng diện tích trồng tập trung: Bao gồm diện tích trồng mới, diện tích đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản và diện tích đã cho sản phẩm của từng loại cây ở cột A.

Diện tích trồng tập trung được tính là những diện tích trồng liền khoảnh từ 100 m<sup>2</sup> trở lên, mật độ cây trồng cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của địa phương.

**Cột 2:** Diện tích cho sản phẩm: Bao gồm diện tích cây lâu năm trồng tập trung của trang trại đã cho thu hoạch sản phẩm.

**Cột 3:** Số cây lâu năm trồng phân tán cho sản phẩm: Ghi số cây lâu năm của trang trại đã cho sản phẩm hiện có tại thời điểm 01/7/2016 trồng phân tán quanh nhà, ven đường đi, trên bờ kênh mương ... (kể cả số cây trồng liền khoảnh, có diện tích dưới 100 m<sup>2</sup>).

**Cột 4, 5, 6, 7:** Ghi diện tích gieo trồng của từng loại cây tương ứng có sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, phân hữu cơ, phân hóa học.

**Cột 8:** Ghi số lượng phân hoá học như Urê, lân, NPK, DPK, kali, SA... đã sử dụng trong 12 tháng qua cho từng loại cây lâu năm hiện có tại thời điểm 01/7/2016.

**Lưu ý:**

- Không ghi số lượng phân hoá học (Urê, lân, NPK, DPK, kali, SA...) đã sử dụng trong 12 tháng qua đối với phần diện tích đã chuyển đổi sang trồng cây khác trước thời điểm điều tra.

- Đối với cây chuối trồng phân tán quy ước đơn vị tính là khóm, bụi, cụm chuối. Khóm, bụi, cụm chuối là tập hợp một số cây liền nhau.

- Khóm, bụi, cụm chuối cho sản phẩm là khóm, bụi, cụm chuối đã, đang và tiếp tục cho quả.

### **PHẦN III. MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TRANG TRẠI**

**Câu 11, 12, 13. Máy kéo, máy cày, bừa, xới; Máy móc, thiết bị khác phục vụ sản xuất kinh doanh; Tàu, thuyền, xuồng vận tải có động cơ** (tại thời điểm 01/7/2016)

Điều tra viên phỏng vấn và ghi số lượng máy móc, thiết bị từng loại của trang trại hiện có tại thời điểm 01/7/2016.

Khái niệm máy móc, thiết bị chủ yếu xem giải thích ở phần V của phiếu số 01/TĐTNN-HO.

### **PHẦN IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRANG TRẠI**

**Câu 14 đến câu 19.** Tại thời điểm 01/7/2016, nếu trang trại có sử dụng máy vi tính phục vụ sản xuất thì điều tra viên hỏi số lượng máy tính và số máy tính có kết nối internet. Ngược lại trang trại không sử dụng máy vi tính thì hỏi trang thông tin điện tử và tình hình giao dịch thương mại điện tử.

Thương mại điện tử là một trong các hoạt động mua bán, quảng bá sản phẩm, thanh toán thông qua những phương tiện điện tử hiện đại giúp tiết kiệm chi phí, mở rộng phạm vi kinh doanh.

Giao dịch thương mại điện tử: Là giao dịch kinh doanh như ký kết hợp đồng kinh doanh, mua bán, thanh toán, tín dụng qua mạng toàn cầu (Internet).

## PHẦN V. KẾT QUẢ SẢN XUẤT CỦA TRANG TRẠI

**Câu 20, 21.** Trang trại có hoạt động trồng trọt trong 12 tháng qua, điều tra viên hỏi các thông tin về diện tích thu hoạch, sản lượng và giá trị sản phẩm của trang trại đã thu hoạch và bán ra trong 12 tháng qua.

- *Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp:* Là hoạt động phục vụ trồng trọt bao gồm cắt tía, tạo chồi, tạo cây con để nhân giống trực tiếp hoặc tạo từ các gốc ghép cành thành chồi non để cho ra sản phẩm là cây giống bao gồm:

+ Gieo ươm cây giống hàng năm: Giống cây su hào, bắp cải, súp lơ, cà chua...;

+ Các loại giống cây lâu năm, cây cảnh được thực hiện bằng gieo ươm, chiết ghép, giâm cành như: cam quýt, nhãn, vải, chè,... .

- *Sản phẩm phụ trồng trọt:* Chỉ tính những sản phẩm có thu hoạch và sử dụng làm nguyên, nhiên vật liệu, làm thức ăn cho gia súc, làm phân bón, bán ra ngoài như: rơm, rạ, thân cây ngô, dây lang,... Có thể căn cứ vào hệ số điều tra giữa sản phẩm phụ và sản phẩm chính của từng loại cây trồng (như hệ số giữa rơm rạ với thóc,...) để tính giá trị sản phẩm phụ trồng trọt.

- *Dịch vụ trồng trọt:* Là các hoạt động trồng trọt do trang trại tổ chức làm cho bên ngoài được trả công bằng tiền hoặc hiện vật; bao gồm: làm đất, gieo trồng; chăm sóc (tưới tiêu nước, phòng trừ sâu bệnh, làm cỏ, bón phân,...); thu hoạch (gặt hái,...); vận chuyển vật tư, sản phẩm; cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; dịch vụ trồng trọt khác (ra hạt lúa, bông, lạc; phân loại, phơi, sấy, bảo quản,...).

**Câu 22, 23, 24.** Trang trại có hoạt động chăn nuôi trong 12 tháng qua, điều tra viên hỏi các thông tin về số lượng từng loại vật nuôi hiện có tại 01/7/2016 (Khái niệm, cách tính từng loại đã được giải thích ở câu 20 phiếu số 01/TĐTNT-HO), số con xuất chuồng, sản lượng và giá trị sản phẩm của trang trại đã thu hoạch và bán ra trong 12 tháng qua.

### Lưu ý:

Đối với những trang trại nuôi gia công, giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại là giá trị sản phẩm chăn nuôi và giá trị sản phẩm nông sản do trang trại tạo ra.

Một số hệ số quy đổi giữa trọng lượng thịt mót hàm (thịt xẻ) ra trọng lượng thịt hơi

- Trâu: 1 kg thịt hơi = 0,3 kg thịt xẻ

- Bò: 1 kg thịt hơi = 0,4 kg thịt xẻ

- Dê, cừu: 1 kg thịt hơi = 0,41 kg thịt xẻ

- Lợn: 1 kg thịt hơi = 0,7 kg mót hàm

- Gà: 1 kg thịt hơi = 0,85 kg thịt xẻ

- Gia cầm khác gà: 1 kg thịt hơi = 0,71 kg móc hàm

Trường hợp hộ bán cả con, tự giết thịt để ăn, cho biếu tặng hoặc nuôi gia công (với trường hợp không biết chính xác trọng lượng xuất chuồng) thì yêu cầu trang trại ước lượng trọng lượng thịt hơi.

Giá trị sản lượng thịt hơi xuất chuồng được tính bằng trọng lượng nhân với giá thực tế của địa phương tại thời điểm xuất chuồng.

(1) *Sản phẩm chăn nuôi bán, giết thịt*: Gồm thịt hơi trâu, bò, lợn, ...gà, vịt, ngan, ngỗng,..., vật nuôi khác bán, giết thịt (xuất chuồng); không tính sản lượng tăng, giảm thuần túy của đàn gia súc đang nuôi.

(2) *Sản phẩm chăn nuôi không qua giết thịt*: Gồm trứng gia cầm các loại, sữa tươi, kén tằm, mật ong,... (không tính giá trị của số lượng trứng gia cầm các loại trang trại giữ lại với mục đích ấp nở giống gia cầm).

(3) *Giống gia súc, gia cầm, vật nuôi*: Gồm các loại con giống gia súc, giống gia cầm, giống vật nuôi khác.

(4) *Sản phẩm phụ chăn nuôi*: Chỉ tính những sản phẩm phụ chăn nuôi được sử dụng; gồm: phân trâu, bò, lợn, gia cầm, phân tằm,... thu được trong quá trình chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi tận thu: như lông, sừng, xương, da,... của gia súc bị chết, giết thịt.

(5) *Dịch vụ chăn nuôi*: Là các hoạt động chăn nuôi do trang trại tổ chức làm cho bên ngoài; bao gồm thụ tinh nhân tạo, kiểm dịch động vật, thiến hoạn gia súc, gia cầm; dịch vụ chăn nuôi khác (phân loại và lau sạch trứng gia cầm, ...).

**Câu 25, 26.** Trang trại có hoạt động lâm nghiệp trong 12 tháng qua, điều tra viên hỏi các thông tin về sản lượng, diện tích và giá trị sản phẩm của trang trại đã thu hoạch và bán ra trong 12 tháng qua.

- *Khai thác gỗ, lâm sản và thu nhặt từ rừng*: Ghi số lượng và giá trị lâm sản khai thác và thu nhặt được từ rừng trồng và rừng tự nhiên như: gỗ, củi, luồng, tre, vầu, nhựa thông, cánh kiến, măng, mộc nhĩ, nấm hương, các loại quả, các loại lá (lá dong, lá nón, lá cọ), .v.v.

- *Thu từ dịch vụ lâm nghiệp*:

+ Giá trị thực tế thu được từ nhận giao khoán trồng rừng tập trung, chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh,.v.v. từ các nguồn kinh phí như: nhà nước đầu tư (661,...), các dự án lâm nghiệp do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ và do tư nhân đầu tư;

+ Giá trị thực tế thu được từ những công việc trang trại tổ chức làm cho bên ngoài như: tưới tiêu phục vụ lâm nghiệp, bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh, phòng cháy, chữa cháy rừng, dịch vụ lâm nghiệp khác (đánh giá ước lượng trữ lượng rừng, quản lý lâm nghiệp, vận chuyển lâm sản đến bãi II - cửa rừng,...).



**Lưu ý:**

Không tính vào thu dịch vụ lâm nghiệp trong 12 tháng qua đối với những diện tích rừng mà chủ trang trại tự bỏ vốn ra đầu tư để trồng và nuôi rừng.

**Câu 27 đến câu 30.** Trang trại có hoạt động thủy sản trong 12 tháng qua, điều tra viên hỏi các thông tin về diện tích, thể tích nuôi thủy sản, sản lượng và giá trị sản phẩm của trang trại đã thu hoạch và bán ra trong 12 tháng qua.

**Câu 31 đến câu 40.** Cộng tổng giá trị sản phẩm và dịch vụ bán ra của các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

**Câu 41. Trang trại thuộc lĩnh vực sản xuất nào sau đây?**

- Điều tra viên căn cứ vào kết quả phỏng vấn đã ghi phiếu ở trên, đối chiếu với tiêu chí trang trại để xác định trang trại thuộc loại hình trang trại nào. Đánh dấu x vào một trong 5 loại trang trại sau:

- 1) Trang trại trồng trọt;
- 2) Trang trại chăn nuôi;
- 3) Trang trại lâm nghiệp;
- 4) Trang trại nuôi trồng thủy sản;
- 5) Trang trại tổng hợp.

Trang trại chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản) là trang trại có tỷ trọng giá trị sản lượng hàng hóa của ngành chiếm trên 50% giá trị sản lượng hàng hóa của trang trại trong năm. Trường hợp không có ngành nào chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản lượng hàng hóa thì được gọi là trang trại tổng hợp.

- Sau khi xác định trang trại thuộc 1 trong 5 loại hình trên, điều tra viên tiếp tục căn cứ tỷ trọng giá trị sản lượng hàng hóa nhóm cây, cây trồng và vật nuôi chiếm trên 50% để xác định lĩnh vực sản xuất cụ thể theo nhóm cây, cây trồng và vật nuôi.

1. Trang trại ông A có diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 4 ha. Giá trị sản lượng nông, lâm thủy sản hàng hóa trong năm là 700 triệu, trong đó lúa là 50 triệu, cà phê là 550 triệu và các cây trồng, vật nuôi khác là 100 triệu. Trường hợp này điều tra viên xác định: Trang trại thuộc loại hình trang trại là Trồng trọt; Cây lâu năm; Cà phê.

2. Trang trại ông B có diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 3,5 ha. Giá trị sản lượng hàng hóa nông, lâm thủy sản trong năm là 810 triệu, trong đó hồ tiêu 100 triệu, cao su là 260 triệu, cà phê là 250 triệu và chăn nuôi là 200 triệu. Trường hợp này điều tra viên xác định: Trang trại thuộc loại hình trang trại là Trồng trọt; Cây lâu năm.

3. Trang trại của bà C có diện tích đất sản xuất nông nghiệp liên khu là 3,2 ha. Giá trị sản lượng nông sản hàng hóa trong năm là 900 triệu, trong đó lúa là 320 triệu, chăn nuôi là 280 triệu và nuôi trồng thủy sản là 300 triệu. Trường hợp này điều tra viên xác định: Trang trại thuộc loại hình trang trại là Tổng hợp.

**Lưu ý:**

(1) Trường hợp một số cá nhân góp vốn đầu tư sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản – thực chất đây là tổ hợp tác, nhưng nếu đạt tiêu chí trang trại vẫn điều tra phiếu số 02/TĐTNN-TT, chủ trang trại là người góp vốn nhiều nhất.

(2) Đối với trang trại chăn nuôi và thủy sản ngoài việc xác định loại hình trang trại là chăn nuôi hay thủy sản cần xác định sở hữu vật nuôi mà trang trại nuôi gia công cho các công ty, tổ chức...

## **PHẦN VI. MỘT SỐ THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG KHÁC TRONG SẢN XUẤT CỦA TRANG TRẠI**

### **Câu 42, 43. Liên kết và các hình thức liên kết sản xuất trong 12 tháng qua**

Liên kết sản xuất là hình thức hợp tác trên cơ sở có hợp đồng ký kết giữa các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp trong các khâu của quá trình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản thông qua việc cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

(1) Góp vốn đầu tư sản xuất: Là hình thức góp vốn bằng tiền hoặc hiện vật (đất đai, máy móc, thiết bị,...) giữa trang trại và các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

(2) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đầu vào cho sản xuất: Là hình thức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh giữa trang trại và các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác.

(3) Tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra: Là hình thức liên kết trong việc tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra của trang trại với cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác. Bao gồm cả hoạt động mua và bán sản phẩm, dịch vụ đầu ra của trang trại.

(4) Hình thức khác: Các hình thức liên kết trong sản xuất khác.

### **Câu 44. Tiêu thụ sản phẩm của trang trại trong 12 tháng qua**

Đối tượng chủ yếu tiêu thụ sản phẩm là cá nhân, tổ chức có hoạt động mua sản phẩm của trang trại.

Điều tra viên ghi thông tin về đối tượng tiêu thụ sản phẩm theo từng sản phẩm. Sản phẩm bán ra của trang trại có được ký kết hợp đồng, hợp đồng được ký trước hay sau quá trình sản xuất.

**Lưu ý:** Trang trại có ký kết hợp đồng kinh tế với một trong các đối tượng tiêu thụ sản phẩm sẽ được tính là có ký kết hợp đồng kinh tế. Tương tự với cột (8) Hợp đồng kinh tế ký trước khi sản xuất.

**Câu 45, 46. Sử dụng giống và tình hình sử dụng giống cây trồng, vật nuôi của trang trại.**

Trang trại có sử dụng giống, điều tra viên ghi thông tin tương ứng từng giống cây trồng vật nuôi cụ thể.

**Cột 1:** Ghi nguồn giống chủ yếu theo các mã cụ thể.

**Cột 2, Cột 3:** Nếu trang trại có sử dụng giống mới, điều tra viên ghi thông tin về mục đích sử dụng giống mới.

**Câu 47 đến câu 50. Lĩnh vực mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và dự định đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh**

Trang trại có mở rộng, có dự định mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, điều tra viên ghi thông tin từng lĩnh vực cụ thể là: Nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp. Trang trại có thể chọn nhiều lĩnh vực mở rộng, có dự định mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

**Câu 51, 52. Hỗ trợ và các hình thức hỗ của nhà nước đối với trang trại**

Trang trại có thể nhận được nhiều hình thức hỗ trợ. Điều tra viên ghi thông tin về các hỗ trợ cụ thể mà trang trại nhận được.

(1) Tiền mặt: Đây là khoản tiền mặt mà trang trại đã được nhà nước hỗ trợ (cho không phải hoàn lại) trong 12 tháng qua.

(2) Vốn vay: Là khoản tiền được nhà nước (Ngân hàng, các cơ quan, tổ chức, tổ chức xã hội... thuộc nhà nước) cho trang trại vay.

( 2.1) Lãi suất ưu đãi: Là lãi suất thấp hơn lãi suất các ngân hàng cho cá nhân hoặc các tổ chức khác vay cùng thời điểm.

(3) Chính sách về đất đai: Là các chính sách của nhà nước hỗ trợ cho trang trại trong việc sử dụng đất.

(4) Đào tạo, tập huấn: Đào tạo là trang bị kiến thức cho người được đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, năng lực... của người được đào tạo tập huấn.

**Lưu ý:** Thông thường tất cả các lớp học (bồi dưỡng, đào tạo hay tập huấn) đều có tên cụ thể (trong giấy mời, trên thông tin đại chúng...) và người đi học họ nắm được những thông tin về khóa học mình tham gia.

(5) Tiêu thụ sản phẩm: Hỗ trợ trang trại bán sản phẩm.

(6) Xúc tiến thương mại: Là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội mua bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ, bao gồm hoạt động khuyến mại, quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hoá, dịch vụ và hội chợ, triển lãm thương mại...

(7) Khác: Là hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với trang trại ngoài các hình thức trên.

**Câu 53, 54. Khó khăn và nguyện vọng chủ yếu của trang trại**

Điều tra viên ghi thông tin về những khó khăn cũng như nguyện vọng của trang trại trong quá trình sản xuất. Một trang trại có thể có nhiều khó khăn, nguyện vọng.

**Câu 55, 56. Trang trại có cơ sở sản xuất ở huyện khác không?**

Đối với trang trại có các cơ sở sản xuất trên các huyện khác nhau, điều tra viên hỏi và ghi thông tin của những cơ sở tại các huyện có địa chỉ khác với địa chỉ của trang trại.

**Cột A:** Ghi số thứ tự các cơ sở của trang trại có địa chỉ ngoài địa bàn huyện.

**Cột B:** Ghi tên tỉnh, tên huyện của cơ sở sản xuất.

**Cột 1, 2, 4:** Ghi mã tỉnh, mã huyện, mã ngành sản xuất cấp 2 của cơ sở, thông tin tại các cột này do Cục Thống kê ghi.

**Cột 3:** Ghi tên ngành hoạt động sản xuất cấp 2 của cơ sở.

**Cột 5:** Ghi tổng số lao động thường xuyên của cơ sở có tại thời điểm 01/7/2016.

**Cột 6:** Ghi thông tin về chi phí sản xuất cho từng cơ sở gồm chi phí về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiền công, lương của người lao động, tiền thuê các dịch vụ khác,...

**Cột 7, 8, 9, 10, 11:** Ghi thông tin về diện tích từng loại đất cụ thể của cơ sở hiện đang sử dụng tại thời điểm 01/7/2016.